

Họ và tên:

Lớp:

TOÁN 3 - BẢNG NHÂN CHIA 7

Phần II. Tự luận

Bài 1. Điền dấu so sánh thích hợp vào ô trống.

- | | | | |
|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| a) $49:7 \dots 56:7$ | b) $49:7 \dots 21:7$ | c) $7:7 \dots 28:7$ | d) $49:7 \dots 42:7$ |
| e) $14:7 \dots 70:7$ | f) $63:7 \dots 7:7$ | g) $21:7 \dots 70:7$ | h) $28:7 \dots 14:7$ |

Bài 2. Điền số thích hợp vào ô trống.

- | | | | |
|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| a) $\dots \times 7 = 21$ | b) $\dots \times 7 = 49$ | c) $7 \times \dots = 63$ | d) $\dots \times 7 = 14$ |
| e) $7 \times \dots = 42$ | f) $7 \times \dots = 28$ | g) $\dots \times 7 = 35$ | h) $7 \times \dots = 70$ |

Bài 3. Dựa vào quan hệ giữa phép nhân và phép chia, điền số thích hợp vào chỗ trống trong mỗi phép tính liên quan đến 3.

- | | |
|---|--|
| a) Điền số thích hợp: $6: \dots = 3$ | b) Điền số thích hợp: $3 \times 5 = \dots$ |
| c) Điền số thích hợp: $\dots \times 3 = 24$ | d) Điền số thích hợp: $18:3 = \dots$ |

Bài 4. Điền dấu so sánh thích hợp vào ô trống.

- | | | | |
|----------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|-----------------------------------|
| a) $7 \times 2 \dots 7 \times 5$ | b) $7 \times 1 \dots 7 \times 5$ | c) $7 \times 7 \dots 7 \times 9$ | d) $7 \times 7 \dots 7 \times 1$ |
| e) $7 \times 5 \dots 7 \times 4$ | f) $7 \times 6 \dots 7 \times 3$ | g) $7 \times 3 \dots 7 \times 5$ | h) $7 \times 10 \dots 7 \times 5$ |

Bài 5. Giải bài toán sau.

Vườn trường có 6 luống rau, mỗi luống có 7 cây rau. Các bạn đã thu hoạch 10 cây rau. Vườn trường còn lại bao nhiêu cây rau?

Bài giải

.....
.....
.....

Bài 6. Trình bày phép tính và đáp số cho bài toán sau.

Mỗi hộp có 7 bút chì. Mai có 5 hộp bút chì như vậy. Sau đó, Mai được thêm 16 bút chì nữa. Mai có tất cả bao nhiêu bút chì?

Bài giải

.....
.....
.....

Bài 7. Tính giá trị các biểu thức sau.

- | | | | |
|--------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|
| a) $7 \times 8 - 7 \times 3 = \dots$ | b) $7 \times 10 - 7 \times 8 = \dots$ | c) $7 \times 8 - 7 \times 1 = \dots$ | d) $7 \times 9 - 7 \times 6 = \dots$ |
|--------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|

Bài 8. Điền số thích hợp vào ô trống.

- | | | | |
|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| a) $\dots : 7 = 3$ | b) $\dots : 7 = 4$ | c) $\dots : 7 = 1$ | d) $\dots : 7 = 9$ |
| e) $\dots : 7 = 7$ | f) $\dots : 7 = 5$ | g) $\dots : 7 = 8$ | h) $\dots : 7 = 2$ |

Bài 9. Điền số thích hợp vào ô trống.

- | | | | |
|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| a) $7 \times \dots = 56$ | b) $7 \times \dots = 35$ | c) $7 \times \dots = 28$ | d) $7 \times \dots = 7$ |
| e) $\dots \times 7 = 63$ | f) $7 \times \dots = 21$ | g) $7 \times \dots = 14$ | h) $7 \times \dots = 70$ |

Bài 10. Điền số thích hợp vào ô trống.

- | | | | |
|------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| a) $7 \times 9 - \dots = 51$ | b) $7 \times 3 - \dots = 4$ | c) $7 \times 2 - \dots = 7$ | d) $7 \times 7 - \dots = 1$ |
|------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|

---HẾT---